

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **88/2009/QĐ-TTg**

*Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2009*

BỘ CÔNG THƯƠNG

**ĐẾN** Số: .....  
Ngày: .....  
Chuyên: .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần**  
**của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Ngoại hối;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam.

**Điều 2.** Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thi hành Quyết định này.

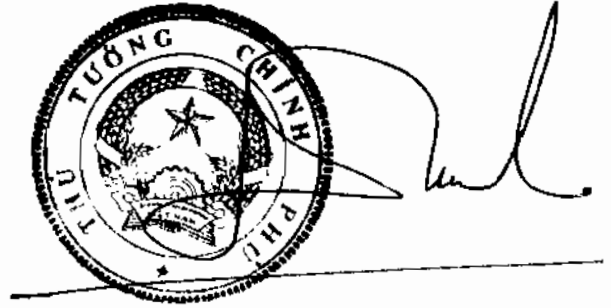
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2009 và thay thế Quyết định số 36/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./..

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐMDN (5b). A. **300**

**THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Tấn Dũng**

**QUY CHẾ**  
**Góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài**  
**trong các doanh nghiệp Việt Nam**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg*  
*ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về việc góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam.

2. Hoạt động góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh trong một số lĩnh vực có quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc có cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên khác với quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc các điều ước quốc tế đó.

3. Việc tham gia của bên nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam được thực hiện theo quy chế riêng do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

4. Các hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7 Điều 21 Luật Đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, bao gồm:

- a) Thành lập tổ chức kinh tế 100% vốn nước ngoài;
- b) Góp vốn với nhà đầu tư trong nước để thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- c) Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC, BOT, BTO, BT;
- d) Đầu tư thực hiện việc sáp nhập, mua lại doanh nghiệp;
- đ) Các hoạt động đầu tư trực tiếp khác.

## **Điều 2. Đối tượng điều chỉnh**

1. Nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Quy chế này bao gồm tổ chức và cá nhân nước ngoài, cụ thể như sau:

a) Tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài và chi nhánh của các tổ chức này tại nước ngoài và tại Việt Nam;

b) Tổ chức thành lập và hoạt động ở Việt Nam có tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%;

c) Quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán có tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%.

d) Cá nhân nước ngoài là người không mang quốc tịch Việt Nam, cư trú tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam.

2. Doanh nghiệp Việt Nam quy định tại Quy chế này là các tổ chức kinh tế hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm đầu tư, bao gồm:

a) Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa hoặc chuyển đổi sở hữu theo hình thức khác;

b) Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 3. Mức góp vốn, mua cổ phần**

1. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của các công ty đại chúng theo tỷ lệ quy định của pháp luật về chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề thuộc pháp luật chuyên ngành theo tỷ lệ quy định của pháp luật chuyên ngành đó.

3. Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh thương mại dịch vụ tuân theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Đối với doanh nghiệp Việt Nam hoạt động đa ngành nghề, đa lĩnh vực, bao gồm cả một số ngành nghề, lĩnh vực có quy định khác nhau về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài thì nhà đầu tư nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần không quá mức của ngành nghề, lĩnh vực có quy định tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài thấp nhất.

5. Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần theo tỷ lệ tại phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không vượt mức quy định nếu doanh nghiệp chuyển đổi hoạt động trong các lĩnh vực thuộc các trường hợp nêu tại khoản 2, 3, 4 Điều này.

6. Ngoài các trường hợp nêu trên, nhà đầu tư nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần trong các doanh nghiệp Việt Nam với mức không hạn chế.

#### **Điều 4. Các hình thức góp vốn, mua cổ phần**

##### **1. Góp vốn:**

a) Nhà đầu tư nước ngoài mua lại phần vốn góp của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn để trở thành thành viên mới của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc mua lại toàn bộ số vốn điều lệ của chủ sở hữu trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để trở thành chủ sở hữu mới của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

b) Nhà đầu tư nước ngoài mua lại phần vốn góp của thành viên góp vốn trong công ty hợp danh hoặc góp vốn vào công ty hợp danh để trở thành thành viên góp vốn mới.

Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân mua lại phần vốn góp của thành viên hợp danh trong công ty hợp danh hoặc góp vốn vào công ty hợp danh để trở thành thành viên hợp danh mới, sau khi được sự chấp thuận của các thành viên hợp danh còn lại.

c) Nhà đầu tư nước ngoài mua lại một phần vốn của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc góp vốn với chủ doanh nghiệp tư nhân để chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và trở thành thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

##### **2. Mua cổ phần:**

a) Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần phát hành lần đầu của các công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần phát hành lần đầu của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa;

c) Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán, cổ phần phát hành thêm của công ty cổ phần;

d) Nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần của các cổ đông trong công ty cổ phần, bao gồm cả các công ty đại chúng niêm yết và các công ty đại chúng chưa niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán.

### **Điều 5. Hình thức thanh toán góp vốn, mua cổ phần**

1. Nhà đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi và các tài sản hợp pháp khác theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP:

a) Trường hợp góp vốn, mua cổ phần bằng ngoại tệ thì quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại được phép hoạt động ngoại hối tại thời điểm góp vốn, mua cổ phần sau khi được đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp chấp thuận và theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối;

b) Trường hợp góp vốn, mua cổ phần bằng tài sản hợp pháp khác (không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi) phải được định giá bằng một trong hai phương thức sau:

- Định giá bởi các tổ chức định giá độc lập và được các thành viên, cổ đông sáng lập của doanh nghiệp được góp vốn và người góp vốn cùng nhau chấp thuận;

- Doanh nghiệp thành lập Hội đồng định giá và cùng với người góp vốn thoả thuận về giá.

2. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp Việt Nam bằng máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, hàng hóa, chuyển giao công nghệ và các tài sản khác phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về công nghệ, văn hóa và môi trường, sở hữu trí tuệ, xuất nhập khẩu ...

3. Việc mua bán chứng khoán trên Sở Giao dịch chứng khoán được thực hiện bằng đồng Việt Nam theo quy định pháp luật về chứng khoán.

### **Điều 6. Điều kiện để nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần**

1. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức:

a) Có tài khoản vốn đầu tư mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Mọi hoạt động mua, bán cổ phần, chuyển nhượng vốn góp, thu và sử dụng cổ tức, lợi nhuận được chia, chuyển tiền ra nước ngoài và các hoạt động khác liên quan đến đầu tư vào doanh nghiệp Việt Nam đều thông qua tài khoản này;

b) Có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác chứng minh tư cách pháp lý, có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại nơi tổ chức đó đã đăng ký;

Nhà đầu tư nước ngoài chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của các tài liệu cung cấp.

c) Các điều kiện khác quy định trong điều lệ của doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần và bảo đảm không trái với quy định của pháp luật.

2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân:

a) Có tài khoản cá nhân mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Mọi hoạt động mua, bán cổ phần, chuyển nhượng vốn góp, thu và sử dụng cổ tức, lợi nhuận được chia, chuyển tiền ra nước ngoài và các hoạt động khác có liên quan đến đầu tư vào doanh nghiệp Việt Nam đều thông qua tài khoản này;

b) Bản sao hộ chiếu còn giá trị;

c) Các điều kiện khác quy định trong điều lệ của doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần và bảo đảm không trái với quy định của pháp luật.

3. Đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào thị trường chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 7. Góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh**

1. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện việc góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty.

2. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty hợp danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty (theo Điều lệ công ty) xây dựng phương án huy động vốn, trong đó có phần nhận vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài để trình Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên quyết định việc huy động vốn góp và tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài.

Thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty hợp danh chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển nhượng một phần vốn điều lệ hoặc huy động thêm vốn góp của người khác trong đó có nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu nhà nước, phải lập đề án chuyển từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trường hợp có nhiều nhà đầu tư đăng ký góp vốn với tổng giá trị vượt quá số vốn góp theo phương án huy động vốn đã được phê duyệt, doanh nghiệp có thể thỏa thuận hoặc thực hiện đấu giá để lựa chọn nhà đầu tư.

Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thuộc sở hữu nhà nước, việc chuyển nhượng phần vốn góp cho nhà đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật và quản lý tài chính đối với công ty nhà nước và phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.

#### **Điều 8. Mua lại một phần vốn, góp vốn với chủ doanh nghiệp tư nhân**

1. Chủ doanh nghiệp tư nhân quyết định bán lại một phần vốn hoặc huy động vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài để chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2. Việc chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải bảo đảm thực hiện đúng quy định tại Điều 24 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 9. Mua cổ phần lần đầu của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa**

Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện việc mua cổ phần lần đầu của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa theo quy định tại các văn bản hướng dẫn hiện hành về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

#### **Điều 10. Mua cổ phần của công ty cổ phần đang hoạt động**

1. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện việc mua, bán cổ phần của công ty cổ phần đại chúng theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ của công ty.



2. Đối với công ty cổ phần đang trong thời hạn ba năm đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông để trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác trong công ty cổ phần khi Điều lệ công ty có quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty cổ phần xây dựng phương án huy động vốn, phát hành cổ phiếu trong đó có bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài để trình Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (theo Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty cổ phần).

Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định việc bán cổ phần và tỷ lệ bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.

4. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần trong các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán, công ty đại chúng chưa niêm yết theo quy định pháp luật về chứng khoán.

### **Chương III**

#### **QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

#### **Điều 11. Quyền lợi của nhà đầu tư nước ngoài**

1. Được sử dụng cổ phiếu để cầm cố trong quan hệ tín dụng và trong việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Được chuyển sở hữu cổ phiếu, được tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán khi công ty cổ phần đã niêm yết theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Được quyền chuyển nhượng phần vốn góp, điều chỉnh vốn đầu tư trong quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều lệ của doanh nghiệp.

4. Được chuyển đổi ra ngoại tệ các khoản thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận có được thông qua hoạt động đầu tư tại Việt Nam để chuyển ra nước ngoài, sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam và các bên liên quan. Việc mua lại ngoại tệ để chuyển ra nước ngoài tuân thủ theo chế độ quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần (trừ trường hợp là thành viên góp vốn trong công ty hợp danh).

6. Được hưởng quyền lợi như các nhà đầu tư trong nước khi tham gia đầu tư trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh.

7. Được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Điều 12. Nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài**

1. Thực hiện đúng các điều kiện và cam kết khi tham gia mua cổ phần, góp vốn.

2. Thực hiện đầy đủ các quy định trong Quy chế này và trong Điều lệ tổ chức hoạt động của doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần.

3. Trường hợp chuyển sở hữu cổ phiếu, chuyển nhượng vốn góp có phát sinh lợi nhuận thì phải nộp thuế thu nhập và các khoản thuế khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Chương IV  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

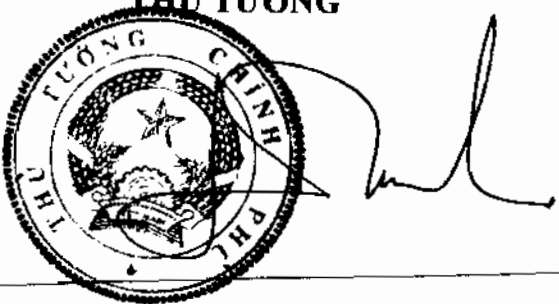
**Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước**

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp nhà nước do mình quyết định cổ phần hóa, bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp nhà nước do mình quyết định cổ phần hóa và các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn bán cổ phần, nhận góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài.

3. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này./.

**THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Tấn Dũng**